TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 07/6/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Trịnh Văn Lộc

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 07/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lao Diệu N, sinh năm 1991; Địa chỉ: số A, đường T, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Ong Văn S, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp Â, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2024 (BL01) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lao Diệu N trình bày: Chị Lao Diệu N và anh Ong Văn S tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/06/2013, tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, bất đồng ý kiến. Mâu thuẫn vợ chồng không có ai biết, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho

đến nay. Trong quá trình chung sống với nhau có 01 con chung là cháu Ong Gia P (nam), sinh ngày 22/10/2014. Hiện cháu P đang do chị N nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận phân chia với nhau.

Nay chị N nhận thấy hai vợ chồng tình cảm đã không còn, hạnh phúc hôn nhân tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Ong Văn S. Về con chung: cháu Ong Gia P (nam), sinh ngày 22/10/2014 đã trên 07 tuổi, chị N tôn trọng ý kiến của cháu muốn sống với cha hay với mẹ thì cho người đó nuôi dưỡng. Nếu cháu muốn sống với chị N thì chị N không yêu cầu anh S thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Còn nếu cháu muốn sống với anh S thì chị N cũng không thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận phân chia với nhau, nên không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S nhưng anh S không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị N, đồng thời anh S cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh Ong Văn S, nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do, chị Lao Diệu N có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị N và anh S theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 21/02/2024 chị Lao Diệu N yêu cầu được ly hôn với anh Ong Văn S có nơi cư trú tại ấp Â, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lao Diệu N, nhận thấy chị N và anh S tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2013, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh và được

cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/6/2013. Quan hệ hôn nhân của chị N và anh S không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Chị N nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh S nên có nguyện vọng ly hôn. Chị N và anh S đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2021 cho đến nay từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh S.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau Chị N và anh S có 01 con chung tên Ong G (nam), sinh ngày 22/10/2014 hiện đang do chị N nuôi dưỡng, tùy vào nguyện vọng của cháu P muốn sống với cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng và qua ý kiến trình bày của cháu P nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu P có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của cháu P không bị xáo trộn, để cháu P phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Ong Gia P (nam), sinh ngày 22/10/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh S phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị N khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị N khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lao Diệu N đối với bị đơn anh Ong Văn S.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lao Diệu N được ly hôn với anh Ong Văn S.

- Về con chung: Giao con chung cháu Ong G (nam), sinh ngày 22/10/2014 cho chị Lao D N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Anh Ong Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh S không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ong Gia P của chị Lao Diệu N thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom đối với anh S.

- Về tài sản chung: Chị N khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị N khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Lao Diệu N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0003110, ngày 21/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị N đã thực hiện xong. Anh Ong Văn S không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND P. Hiệp Tân.Q Tân Phú, TP.HCM;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng